

Số: 73/QĐ-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 03 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy chế quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4199/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐTTPHCM ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM (theo biểu phụ lục số 2 đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông,bà Trưởng các đơn vị, Phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ KH-TC (để b/c);
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu VT, KHTC. *NV*



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền

*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM

Chương: 026

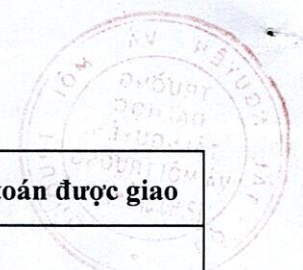
DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-TĐHTP HCM ngày 12 tháng 01 năm 2024) của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM

Đvt: triệu đồng.

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|-------|--|-------------------|
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| I | Số thu phí, lệ phí | |
| II | Chi từ nguồn thu phí được để lại | |
| III | Số phí, lệ phí nộp NSNN | |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 16.603 |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 16.603 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | - |
| 2 | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ | 400 |
| 2.1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ | 400 |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia | |
| | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ: | 400 |
| | Mở mới | 400 |
| | TNMT.2024.05.01: Nghiên cứu công nghệ mới chuyển hóa rác thải nhựa kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than hoạt tính | 200 |
| | Kinh phí giáo khoán | 104 |
| | Kinh phí không giao khoán | 96 |
| | TNMT.2024.05.02: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải nhựa đại dương trong nuôi trồng thủy sản trên biển từ hiệu quả sử dụng vật liệu HDPE bền vững | 200 |
| | Kinh phí giáo khoán | 91 |
| | Kinh phí không giao khoán | 109 |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng | |
| 2.3 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | - |
| 3 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề | 15.542 |
| 3.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | 14.592 |
| | Chi thường xuyên giao tự chủ | 14.592 |
| 3.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 950 |
| | Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập | 780 |
| | Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số | 170 |
| 4 | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình | |
| 5 | Chi bảo đảm xã hội | |
| 6 | Chi hoạt động kinh tế | |
| 7 | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường | 661 |
| 7.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | |
| 7.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | 661 |
| | Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm | 661 |
| | Nhiệm vụ chuyên tiếp | 661 |

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|------------------|---|--------------------------|
| | Xây dựng một số mô hình quy mô phòng thí nghiệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải và phổ biến, nhân rộng phục vụ công tác bảo vệ môi trường. | 661 |
| II | Nguồn vốn viện trợ | |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài | |



ml